

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Tên tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: www.masanmeatlife.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2025/NQ-HĐQT và số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 11/08/2025 liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động trong Công ty (ESOP).**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/08/2025 tại đường dẫn: https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin



ĐỖ THỊ THU NGÀ
Giám Đốc Pháp Lý

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE (“Công ty”)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (“HĐQT”)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020; được sửa đổi và bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi và bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty ngày 18/10/2021, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 (“**Nghị quyết ĐHĐCĐ**”); và
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số 06/2025/BBKP-HĐQT ngày 11/08/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (“**Chương trình ESOP**”) theo Điều 8 của Nghị quyết ĐHĐCĐ như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Masan MEATLife.
- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty: 329.052.593 cổ phần.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành theo Chương trình ESOP: 11.336.558 cổ phần, tương đương 3,4452% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Nguồn cổ phiếu phát hành: Phát hành cổ phần mới.
- Đối tượng dự kiến phát hành: là nhân viên của Công ty và các Công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các công ty con.
- Các tiêu chuẩn xác định cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động: Quy định tại Quy chế Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025.
- Nguyên tắc và tiêu chí xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng: Quy định tại Quy chế Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025.
- Xử lý số lượng cổ phần không phân phối hết: sau khi kết thúc thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần, nếu nhân viên không mua hết số lượng cổ phần dự kiến phát hành thì số cổ phần không mua sẽ không được tiếp tục chào bán, chỉ ghi nhận số lượng đăng ký mua thực tế.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 hoặc 4 tháng đầu năm 2026, phù hợp với quy định pháp luật và công bố thông tin theo quy định.



- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc việc thu tiền của người lao động).

Điều 2: Thông qua phương án đảm bảo phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 100% vốn điều lệ.
- Không có người lao động là người nước ngoài tham gia Chương trình ESOP. Như vậy, việc phát hành cổ phần theo Chương trình ESOP đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty theo quy định pháp luật.

Điều 3: Thông qua kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành: số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là 113.365.580.000 đồng sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh thông qua việc bổ sung vốn lưu động của Công ty, cụ thể để thanh toán chi phí lương, thưởng và các chi phí khác liên quan đến nhân viên; thanh toán chi phí thuê văn phòng; chi trả nhà cung cấp.

Điều 4: Giao cho Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT hoặc Ông Nguyễn Quốc Trung – Tổng Giám đốc được toàn quyền:

- Quyết định thời điểm thực hiện và các bộ hồ sơ nộp cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình ESOP;
- Ghi nhận số lượng đăng ký mua thực tế, không tiếp tục chào bán cổ phần không mua hết (nếu có) theo nguyên tắc quy định tại Điều 1;
- Ký kết các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phần theo Chương trình ESOP;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế được phát hành tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phần thực tế phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Thực hiện sửa đổi Điều lệ của Công ty liên quan đến vốn điều lệ mới trên cơ sở số lượng cổ phần thực tế được phát hành theo Chương trình ESOP;
- Sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành theo kế hoạch được quy định tại Điều 3;
- Thực hiện tất cả các công việc cần thiết khác để hoàn tất việc phát hành cổ phần mới theo Chương trình ESOP.

Điều 5: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, và các cá nhân và phòng ban liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.


DANNY LE

CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
Số: 07/2025/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE (“Công ty”)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi và bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi và bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty ngày 18/10/2021, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 25/04/2025 (“**Nghị quyết ĐHĐCĐ**”); và
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số 07/2025/BBKP-HĐQT ngày 11 / 08 / 2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Quy chế chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2025 của Công ty (đính kèm).

Điều 2: Thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như được quy định tại phụ lục đính kèm.

Điều 3: Ban Tổng Giám đốc Công ty, các cá nhân và phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
MEATLIFE
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
DANNY LE

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

GCN ĐKDN số: 0311224517, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh
cấp lần đầu ngày 07/10/2011, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza,
số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 6256 3862 Fax: (84-28) 3827 4115



QUY CHẾ

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) NĂM 2025

- Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Gọi tắt là “**Chương trình ESOP**”) là chương trình được triển khai nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Masan MEATLife (Gọi tắt là “**Công ty**” hoặc “**Masan MEATLife**”) và các công ty con của Công ty (có đủ điều kiện và tiêu chuẩn, điều kiện - tiêu chuẩn để tham gia chương trình sẽ được trình bày ở sau) cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của Công ty thông qua việc có cơ hội sở hữu cổ phần Công ty với giá ưu đãi so với giá thị trường.

1. MỤC ĐÍCH:

- Phát hành cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên của Công ty và các công ty con trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và gắn bó lâu dài với Công ty và các công ty con.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi và bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Điều lệ của Công ty ngày 18/10/2021, được sửa đổi bổ sung theo từng thời điểm (“**Điều lệ**”);

- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCD ngày 25/04/2025 của Công ty; và

- Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 06.../2025/NQ-HĐQT ngày 11.02.2025 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

3. ĐỊNH NGHĨA:

- “**Chương trình ESOP**”: là Chương trình phát hành cổ phần của Công ty một cách trực tiếp cho CBNV theo quy định của Quy chế này.

- “**Cán bộ nhân viên, CBNV**”: là những người lao động, nhân viên của Công ty, Công ty con của Công ty.

- “**Thành viên ESOP**”: là CBNV được xét chọn và đã thực hiện việc mua cổ phần từ Chương trình ESOP.

- “**HDQT**”: là Hội đồng Quản trị.

- “**ĐHĐCD**”: là Đại hội đồng cổ đông.

- “**Tập đoàn**”: bao gồm Công ty và các Công ty con của Công ty.

- “**Công ty**”: là Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP:

4.1. Nguyên tắc của Chương trình ESOP:

- CBNV tham gia Chương trình ESOP một cách hoàn toàn tự nguyện và có quyền, nghĩa vụ theo Quy chế này.

- Nguồn cổ phần cho Chương trình ESOP: phát hành mới 11.336.558 cổ phần, tương đương với tổng giá trị cổ phần tính theo mệnh giá là 113.365.580.000 đồng.
- Loại cổ phần áp dụng cho Chương trình ESOP: cổ phần phổ thông.
- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc việc thu tiền của người lao động) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

4.2. Đối tượng tham gia Chương trình ESOP: là nhân viên của Công ty và các Công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các Công ty con.

4.3. Quyền và nghĩa vụ Thành viên ESOP:

- Được hưởng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định, quy chế của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Thành viên ESOP.
- Cam kết nỗ lực trong việc đạt mục tiêu được giao và ngày càng mang lại nhiều hiệu quả hơn cho công việc của bộ phận mà Thành viên ESOP làm việc.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

4.4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty:

- Chịu trách nhiệm phát hành cổ phần ESOP theo đúng đối tượng và số lượng được duyệt.
- Công bố thông tin về việc phát hành và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ESOP theo quy định.

4.5. Các tiêu chuẩn xác định cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV:

Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng người lao động dựa trên các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn 1: Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
- Tiêu chuẩn 2: Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
- Tiêu chuẩn 3: Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;
- Tiêu chuẩn 4: Chức vụ;
- Tiêu chuẩn 5: Mức lương; và
- Tiêu chuẩn 6: Ngạch bậc.

Căn cứ theo các tiêu chuẩn nêu trên, Hội đồng Quản trị quyết định từng tiêu chí đánh giá cụ thể nguyên tắc xác định số cổ phần phân phối cho từng người lao động và danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.

4.6. Nguyên tắc và tiêu chí xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

Việc phân phối cổ phiếu Chương trình ESOP được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Phân phối cổ phiếu theo 04 nhóm người lao động, bao gồm:

- Nhóm 1: Nhóm người lao động mang lại giá trị cho cổ đông bao gồm hiệu quả kinh doanh, các sáng kiến mang tính chiến lược và huy động vốn cho Công ty, các Công ty con.
- Nhóm 2: Nhóm người lao động có các sáng kiến phát triển kinh doanh bao gồm xây dựng quan hệ đối tác dài hạn với các nhà đầu tư, phân bổ vốn hiệu quả, quản trị rủi ro chặt chẽ, đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chiến lược và thúc đẩy tài năng; đưa ra các phát kiến phát triển sản phẩm mới và mang lại những hiệu quả tích cực; các phát kiến, sáng kiến công nghệ, giúp cải tiến sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Nhóm 3: Nhóm người lao động kiêm nhiệm thêm vị trí công tác khác trong cùng một công ty trong Tập đoàn hoặc tại từ hai công ty trở lên trong Tập đoàn.
- Nhóm 4: Nhóm người lao động có tham gia vào từng dự án cụ thể trong năm trước đó.

Nguyên tắc 2: Trong mỗi nhóm người lao động được phân loại theo nguyên tắc 1 nêu trên, số cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động được xác định theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm 1: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 1 được tính dựa trên 5 tiêu chí:

- Hệ số Kết quả kinh doanh của Công ty (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả kinh doanh của công ty	Hệ số kết quả kinh doanh của công ty (a)
Không đạt Kế hoạch kinh doanh	Tối đa 0,65
Đạt Kế hoạch kinh doanh ở mức thấp	0,65 - 0,8
Nằm trong khung Kế hoạch kinh doanh ở mức thấp và mức cao	0,8 - 0,9
Đạt hoặc vượt Kế hoạch kinh doanh ở mức cao	0,9 - 1,0

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (Tiêu chuẩn 3):

Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban	Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)
Không đạt kế hoạch KPI	Tối đa 0,6
Đạt kế hoạch kinh doanh	0,6 - 0,8
Vượt kế hoạch kinh doanh	0,8 - 1,0

- Hệ số cấp bậc, bao gồm chức vụ, mức lương và ngạch bậc (Tiêu chuẩn 4,5,6):

Cấp bậc	Điểm cấp bậc	Hệ số cấp bậc (1 điểm = hệ số 0,001) (c)
Cấp bậc nhân viên (rank 5)	6-7	0,006 - 0,007
Cấp bậc chuyên viên (rank 4)	8-20	0,008 - 0,02
Cấp bậc Trưởng nhóm, trưởng phòng (rank 3)	30 - 60	0,03 - 0,06
Cấp bậc quản lý, giám đốc chuyên môn (rank 2)	80 - 100	0,08 - 0,1
Cấp bậc ban giám đốc, điều hành (rank 1)	110 - 200	0,11 - 0,2

- Hệ số công việc (Tiêu chuẩn 2, 3): là hệ số thể hiện tính chất công việc (trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách), kết quả đóng góp của cá nhân cho sự phát triển của Công ty và các công ty con, tầm quan trọng của từng người lao động vào kết quả và hiệu quả hoàn thành công việc của phòng ban và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2024.

Tính chất công việc, mức độ đóng góp, tầm quan trọng	Hệ số công việc (d)
Ít quan trọng	0,1 - 0,45
Quan trọng	0,45 - 0,9
Rất quan trọng	>0,9

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (Tiêu chuẩn 3):

Lưu ý: Những người lao động làm việc dưới 6 tháng thì hệ số KPI sẽ được chia 2.

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (e)
Không đạt KPI	0,11 - 0,49
Đạt kế hoạch KPI	0,49 - 0,70
Vượt kế hoạch KPI	0,70 - 0,99
Vượt kế hoạch KPI (xuất sắc)	>1

Những người lao động hoàn thành xuất sắc công việc, vượt kế hoạch, mang lại kết quả đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Công ty và các công ty con sẽ được phân phối thêm một lượng cổ phiếu như sau (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Số cổ phiếu được phân phối thêm (g)
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1 - 1,04	100.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,05 - 1,09	150.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,1 - 1,14	200.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,15 - 1,19	250.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,2 - 1,24	300.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,25 - 1,29	350.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,3 trở lên	380.000

Công thức tính cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này: Dựa trên 05 tiêu chí nêu trên, cổ phiếu được mua của từng Người lao động được xác định theo công thức sau (lâm tròn):

$$ESOP_i = \text{Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa} \times (a) \times (b) \times (c) \times (d) \times (e) + (g)$$

Trong đó:

- $ESOP_i$: Số cổ phiếu ESOP của Người lao động i được quyền mua
- Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa được phát hành đã được

Dại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 11.516.840 cổ phiếu (tối đa 3,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty)

- (a): Hệ số Kết quả kinh doanh của công ty thành viên nơi Người lao động i làm việc
- (b): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban của Người lao động i
- (c): Là hệ số cấp bậc của Người lao động i
- (d): Là hệ số công việc của Người lao động i
- (e): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i
- (g): Số cổ phiếu Người lao động i được phân phối thêm do hoàn thành xuất sắc công việc trong năm 2024

Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá lượng cổ phiếu được phép phát hành, lượng cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

• Nhóm 2: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 2 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

- Hệ số hiệu quả sáng kiến phát triển kinh doanh,
- Hệ số cấp bậc chức vụ,
- Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

• Nhóm 3: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 3 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

- Hệ số vị trí kiêm nhiệm,
- Hệ số thời gian kiêm nhiệm,
- Hệ số kết quả công việc của cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

• Nhóm 4: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 4 được tính dựa trên 3 tiêu chí:

- Hệ số hiệu quả của dự án,
- Hệ số cấp bậc chức vụ,
- Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

Công thức tính cổ phiếu ESOP và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phát hành của từng người lao động:

- **Số lượng cổ phiếu ESOP người lao động được phát hành tối đa là tổng số lượng cổ phiếu mà người lao động được phát hành trong từng nhóm.**

Sau khi phân bổ cổ phiếu theo các tiêu chuẩn, nguyên tắc và tiêu chí tại Quy chế này, tùy theo tính chất quan trọng của vị trí và năng lực nhân sự, Hội đồng quản trị sẽ cân đối, điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu ESOP cuối cùng được phân bổ cho người lao động nếu cần thiết.

4.1. Điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Chương trình ESOP:

- HĐQT Công ty có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế Chương trình ESOP phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty và các Công ty con.
- Khi có quy định mới của pháp luật liên quan đến việc phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động, Quy chế này sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp.

Tp. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**



DANNY LE

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP
(đính kèm Nghị quyết HĐQT số 07.../2025/NQ-HĐQT ngày 11/08/2025)

STT	Họ và tên
1	Bùi Hoàng Hà
2	Bùi Lưu Tiến Nhật
3	Bùi Minh Trí
4	Bùi Phan Minh Anh
5	Bùi Phúc Vinh
6	Bùi Quốc Thương
7	Bùi Thị Ánh Nguyệt
8	Bùi Thị Hằng Nga
9	Bùi Thị Huyền Trang
10	Bùi Thị Kim Cúc
11	Bùi Thị Lệ Hằng
12	Bùi Thị Sao Chi
13	Bùi Trần Ánh Thy
14	Bùi Văn Công
15	Bùi Văn Hương
16	Bùi Văn Linh
17	Bùi Văn Tú
18	Bùi Việt Dũng
19	Bùi Vũ Tường Vy
20	Cao Hải Đức
21	Cao Thị Khánh Linh
22	Cao Thị Kim Ngân
23	Cao Xuân Cường
24	Cao Xuân Đình
25	Châu Mạnh Ninh
26	Châu Phước Tân
27	Châu Việt Hùng
28	Chế Quang Trung
29	Chu Văn Định
30	Chu Văn Quỳnh
31	Chu Văn Sang
32	Cù Thị Loan
33	Cù Thị Trúc Liễu
34	Đặng Minh Diệu Bảo
35	Đặng Như Anh
36	Đặng Thị Hạnh
37	Đặng Thị Hoa
38	Đặng Thị Kim Nhị
39	Đặng Thị Thanh Lam
40	Đặng Văn Mạnh
41	Đặng Xuân Lập
42	Đặng Yến Thanh
43	Danh Duy Khanh
44	Đào Huy Tùng

45	Đào Văn Cường
46	Đào Văn Sỹ
47	Đào Vĩnh Hiền
48	Đào Vũ Tài
49	Đậu Thị Hương Ly
50	Đinh Hoài Thương
51	Đinh Mạnh Hùng
52	Đinh Ngọc Thanh
53	Đinh Thảo Anh
54	Đinh Thị Hoài
55	Đinh Thị Thủy Tiên
56	Đinh Trọng Dũng
57	Đinh Văn Vượng
58	Đỗ Bảo Kim
59	Đỗ Công Đoàn
60	Đỗ Hoàng Phương
61	Đỗ Lê Hạnh Trang
62	Đỗ Minh Hậu
63	Đỗ Thị An
64	Đỗ Thị Đông
65	Đỗ Thị Hằng
66	Đỗ Thị Hồng
67	Đỗ Thị Mai
68	Đỗ Thị Thu Nga
69	Đỗ Tuấn Nhã
70	Đỗ Văn Hải
71	Đoàn Duy Chính
72	Đoàn Thị Bảo Anh
73	Đoàn Thị Huệ
74	Đoàn Thị Kim Duyên
75	Đoàn Thị Yến Nhi
76	Đoàn Văn Thủy
77	Dương Đức Tiến
78	Dương Minh Trường
79	Dương Ngọc Lương
80	Dương Nguyễn Hải Yến
81	Dương Thị Kim Ngọc
82	Dương Thị Mai Hạnh
83	Dương Xuân Hưng
84	Giáp Ngọc Nga
85	Hà Hải Yến
86	Hà Minh Phương
87	Hà Thúc Thảo Tiên
88	Hà Văn Nam
89	Hồ Anh Duy
90	Hồ Ngọc Hải
91	Hồ Như Phương
92	Hồ Thanh Bảo Trân

93	Hồ Thị Hoàng Oanh
94	Hồ Việt Đức
95	Hoàng Anh
96	Hoàng Đình Linh
97	Hoàng Phương Bắc
98	Hoàng Thị Mỹ Phương
99	Hoàng Thị Nga
100	Hoàng Thị Phương Thảo
101	Hoàng Thị Thơm
102	Hoàng Thị Thu Hương
103	Hoàng Tiến Thành
104	Hoàng Trọng Nghĩa
105	Hoàng Tuấn Anh
106	Hoàng Văn Cường
107	Hoàng Văn Tiến
108	Hương Thị Chi
109	Huỳnh Bảo Đăng Khoa
110	Huỳnh Công Quốc
111	Huỳnh Minh Vũ
112	Huỳnh Ngọc Kiều
113	Huỳnh Thị Hoa Hương
114	Huỳnh Thị Thanh Tâm
115	Huỳnh Trung Tín
116	Huỳnh Văn Lạc
117	Khổng Minh Chiến
118	Khuất Tuấn Anh
119	Kiều Minh Khương
120	Kiều Thị Phương
121	Kiều Văn Thành
122	Là Hoàng Thảo Nhi
123	Lại Thị Kim Anh
124	Lại Việt Long
125	Lâm Dũng Hiếu
126	Lâm Hùng Minh
127	Lâm Hữu Tài
128	Lâm Thanh Bình
129	Lê Đồng Khánh
130	Lê Gia Nhân
131	Lê Hoàng Phúc
132	Lê Hồng Phúc
133	Lê Hồng Tuấn
134	Lê Hùng Vương
135	Lê Hữu Dũng
136	Lê Lương Tuấn
137	Lê Minh Trí
138	Lê Ngọc Đức
139	Lê Nguyên Dung
140	Lê Nguyễn Thanh Văn

141	Lê Phan Hữu Vinh
142	Lê Phùng Anh Trính
143	Lê Phương Tuyền
144	Lê Quang Báo
145	Lê Quang Khải
146	Lê Thạc Thắng
147	Lê Thành Long
148	Lê Thanh Tùng
149	Lê Thị Giang
150	Lê Thị Hằng
151	Lê Thị Hoa
152	Lê Thị Hồng Thắm
153	Lê Thị Huệ
154	Lê Thị Huỳnh Như
155	Lê Thị Kiều Duyên
156	Lê Thị Lan Anh
157	Lê Thị Lệ Hằng
158	Lê Thị Lệ Quyên
159	Lê Thị Mai
160	Lê Thị Mai Hương
161	Lê Thị Quỳnh
162	Lê Thị Thu Hà
163	Lê Thị Thùy Trính
164	Lê Thị Tường Vy
165	Lê Thị Yến Như
166	Lê Tiến Thành
167	Lê Trung Hiếu
168	Lê Trương Yên
169	Lê Văn Đới
170	Lê Văn Quyền
171	Lê Văn Quỳnh
172	Lê Văn Thái
173	Lê Văn Thanh
174	Lê Văn Thành
175	Lê Văn Tín
176	Lê Văn Việt
177	Lê Vũ Linh
178	Lê Xuân Cường
179	Lê Xuân Hùng
180	Lô Văn Đức
181	Lữ Trọng Tín
182	Lữ Xuân Trọng
183	Lương Ánh Sáng
184	Lương Định Căn
185	Lương Đức Hạnh
186	Lương Duy Thanh
187	Lương Thanh Loan
188	Lương Văn Bắc

189	Lý Phương Đăng
190	Mã Hồng Kim
191	Mai Thị Yến
192	Mai Văn Ngon
193	Ngô Anh Tuấn
194	Ngô Thị Tuyết
195	Ngô Văn Doan
196	Ngô Văn Hiếu
197	Ngô Xuân Quang
198	Nguyễn Anh Quốc
199	Nguyễn Anh Tuấn
200	Nguyễn Bá Tấn
201	Nguyễn Bảo Thắng
202	Nguyễn Bích Liễu
203	Nguyễn Bích Thảo
204	Nguyễn Bình Lộc
205	Nguyễn Cảnh Trường
206	Nguyễn Chiến Thắng
207	Nguyễn Công Minh
208	Nguyễn Công Tuấn Anh
209	Nguyễn Đức Vi Hằng
210	Nguyễn Đặng Hữu Thiên
211	Nguyễn Đăng Nhạc
212	Nguyễn Đặng Phúc
213	Nguyễn Đình Hiếu
214	Nguyễn Đình Phương
215	Nguyễn Doãn Cự
216	Nguyễn Đức Bình
217	Nguyễn Duy Anh
218	Nguyễn Hoài Vương
219	Nguyễn Hoàng Anh
220	Nguyễn Hoàng Bảo Chi
221	Nguyễn Hoàng Linh
222	Nguyễn Hoàng Lộc
223	Nguyễn Hoàng Phúc
224	Nguyễn Hoàng Vũ
225	Nguyễn Hồng Tuyết
226	Nguyễn Hữu Lực
227	Nguyễn Hữu Minh
228	Nguyễn Hữu Mực
229	Nguyễn Hữu Thành
230	Nguyễn Huy Trúc
231	Nguyễn Huỳnh Thái Hoàng
232	Nguyễn Lam Phương
233	Nguyễn Long Tuấn
234	Nguyễn Mai Anh Kiệt
235	Nguyễn Mạnh Tùng
236	Nguyễn Minh Tâm

237	Nguyễn Ngọc An
238	Nguyễn Ngọc Anh Đức
239	Nguyễn Ngọc Minh Trang
240	Nguyễn Như Mạnh
241	Nguyễn Phú Bảo
242	Nguyễn Quang Huy
243	Nguyễn Quang Khôi
244	Nguyễn Quốc Thịnh
245	Nguyễn Quốc Thịnh
246	Nguyễn Quốc Trung
247	Nguyễn Tấn Sang
248	Nguyễn Tấn Trung
249	Nguyễn Thạc Sơn
250	Nguyễn Thái Dũng
251	Nguyễn Thanh Bình
252	Nguyễn Thành Đạt
253	Nguyễn Thanh Hạnh
254	Nguyễn Thành Nguyên
255	Nguyễn Thành Phước
256	Nguyễn Thế Việt Tuấn
257	Nguyễn Thị Anh Thư
258	Nguyễn Thị Bích Phương
259	Nguyễn Thị Bình
260	Nguyễn Thị Cẩm Uyên
261	Nguyễn Thị Đa Lý
262	Nguyễn Thị Diễm Trang
263	Nguyễn Thị Dung
264	Nguyễn Thị Dương
265	Nguyễn Thị Hai
266	Nguyễn Thị Hải Duyên
267	Nguyễn Thị Hằng
268	Nguyễn Thị Hằng
269	Nguyễn Thị Hậu
270	Nguyễn Thị Hiền
271	Nguyễn Thị Hiền
272	Nguyễn Thị Hiền Hậu
273	Nguyễn Thị Hoa
274	Nguyễn Thị Hoa Viên
275	Nguyễn Thị Hồng
276	Nguyễn Thị Hồng Diễm
277	Nguyễn Thị Hồng Loan
278	Nguyễn Thị Hồng Phần
279	Nguyễn Thị Huệ
280	Nguyễn Thị Hương Huệ
281	Nguyễn Thị Hương Thảo
282	Nguyễn Thị Huyền Diệu
283	Nguyễn Thị Lý
284	Nguyễn Thị Lý

285	Nguyễn Thị Mai
286	Nguyễn Thị Mái
287	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
288	Nguyễn Thị Nga
289	Nguyễn Thị Ngân
290	Nguyễn Thị Nghĩa
291	Nguyễn Thị Ngọc Ân
292	Nguyễn Thị Ngọc Giàu
293	Nguyễn Thị Ngọc Phương
294	Nguyễn Thị Ngọc Thúy
295	Nguyễn Thị Oanh
296	Nguyễn Thị Phương Thảo
297	Nguyễn Thị Phương Thảo
298	Nguyễn Thị Phương Tiên
299	Nguyễn Thị Quý
300	Nguyễn Thị Quỳnh Trang
301	Nguyễn Thị Quỳnh Trang
302	Nguyễn Thị Sao
303	Nguyễn Thị Thanh Hoa
304	Nguyễn Thị Thanh Nhân
305	Nguyễn Thị Thanh Nhân
306	Nguyễn Thị Thêm
307	Nguyễn Thị Thu Hằng
308	Nguyễn Thị Thu Hương
309	Nguyễn Thị Thu Phương
310	Nguyễn Thị Thu Thủy
311	Nguyễn Thị Thu Trang
312	Nguyễn Thị Thu Vân
313	Nguyễn Thị Thương
314	Nguyễn Thị Thủy Hằng
315	Nguyễn Thị Tổ Uyên
316	Nguyễn Thị Trà
317	Nguyễn Thị Trang
318	Nguyễn Thị Trang
319	Nguyễn Thị Tường Vy
320	Nguyễn Thị Tuyển
321	Nguyễn Thị Viễn
322	Nguyễn Thiên Đăng
323	Nguyễn Thu Hằng
324	Nguyễn Thu Thủy
325	Nguyễn Thủy An
326	Nguyễn Tiến Dũng
327	Nguyễn Tiến Phong
328	Nguyễn Trà Giang
329	Nguyễn Trọng Hưng
330	Nguyễn Trọng Hữu
331	Nguyễn Trọng Thái
332	Nguyễn Trung Thành

333	Nguyễn Văn Anh
334	Nguyễn Văn Bằng
335	Nguyễn Văn Doanh
336	Nguyễn Văn Hương
337	Nguyễn Văn Lộc
338	Nguyễn Văn Long
339	Nguyễn Văn Nam
340	Nguyễn Văn Phú
341	Nguyễn Văn Phúc
342	Nguyễn Văn Sơn
343	Nguyễn Văn Sỹ
344	Nguyễn Văn Thảo
345	Nguyễn Văn Tiến
346	Nguyễn Văn Toàn
347	Nguyễn Văn Triệu
348	Nguyễn Văn Trọng
349	Nguyễn Văn Tú
350	Nguyễn Vinh Quang
351	Nguyễn Vũ Anh Tùng
352	Nguyễn Vũ Hoàng
353	Nguyễn Xuân Dương
354	Ninh Thị Mai
355	Phạm Bá Mạnh
356	Phạm Hoàng Nam
357	Phạm Khắc Kiên
358	Phạm Phúc Huy
359	Phạm Quốc Huy
360	Phạm Quốc Huy
361	Phạm Thế Cường
362	Phạm Thị Hân
363	Phạm Thị Hiền
364	Phạm Thị Huệ
365	Phạm Thị Kim Hồng
366	Phạm Thị Kim Thoa
367	Phạm Thị Minh Nguyệt
368	Phạm Thị Mỹ Linh
369	Phạm Thị Nguyệt
370	Phạm Thị Phương
371	Phạm Thị Quỳnh Như
372	Phạm Thị Trang
373	Phạm Thị Vy
374	Phạm Văn Long
375	Phạm Xuân Thắng
376	Phan Duy Nam
377	Phan Quỳnh Na
378	Phan Thanh Hoàng
379	Phan Thị Hòa
380	Phan Thị Khả Ái

381	Phan Thị Khánh Ly
382	Phan Thị Mỹ Hạnh
383	Phan Thị Tho
384	Phan Thơ Mỹ
385	Phan Tuấn Anh
386	Phan Văn Dũng
387	Phùng Văn Trường
388	Tạ Xuân Kỳ
389	Tân Văn Thắng
390	Thái Thị Hương
391	Thái Thị Mộng Tuyền
392	Thị Thị Ngọc Giàu
393	Tô Thị Bích Lệ
394	Tôn Nữ Minh Trang
395	Tôn Nữ Thủy Ly
396	Tổng Phương Anh
397	Trần Anh Đào
398	Trần Anh Minh
399	Trần Châu Tùng
400	Trần Chi Linh
401	Trần Công Tái
402	Trần Đức Đạo
403	Trần Duy Hiếu
404	Trần Huỳnh Như
405	Trần Kim Long
406	Trần Minh Tròn
407	Trần Ngọc Hoàng Thương
408	Trần Nguyễn Quỳnh
409	Trần Nguyễn Thị Thanh Tâm
410	Trần Nguyễn Tuấn Anh
411	Trần Thanh Thiên
412	Trần Thị Ánh Ngân
413	Trần Thị Bảo Ngọc
414	Trần Thị Bích Hạnh
415	Trần Thị Chiêu Hoài
416	Trần Thị Huyền Trân
417	Trần Thị Mai
418	Trần Thị Mến
419	Trần Thị Mỹ Linh
420	Trần Thị Mỹ Thanh
421	Trần Thị Ngân
422	Trần Thị Thanh Thảo
423	Trần Thị Thanh Thủy
424	Trần Thị Thom
425	Trần Thị Thư
426	Trần Thị Thu Hiền
427	Trần Thị Trúc Hương
428	Trần Thị Xuân Hương

429	Trần Thị Xuyên
430	Trần Thụy Nhật Tuyền
431	Trần Trọng Tài
432	Trần Tuấn Cường
433	Trần Văn Hiếu
434	Trần Văn Hoàng
435	Trần Văn Hồng
436	Trần Văn Khánh
437	Trần Văn Nam
438	Trần Văn Thanh
439	Trần Văn Toàn
440	Trần Văn Tuấn
441	Trần Văn Tuyền
442	Trần Văn Vũ
443	Trần Việt Anh
444	Trần Vũ Ánh Tiên
445	Trần Xuân Dũng
446	Trang Chí Trung
447	Trịnh Song Hào
448	Trịnh Tuấn Anh
449	Trịnh Văn Sơn
450	Trịnh Xuân Tư
451	Trương Kim Long
452	Trương Thị Hồng Vân
453	Trương Thị Nhuận
454	Trương Thị Thủy Nhi
455	Trương Thị Trinh Nguyễn
456	Trương Văn Quân
457	Trương Văn Tuyền
458	Trương Xuân Tuyền
459	Từ Bạch Quang Phi
460	Ứng Hải Đăng
461	Vân Nguyễn Hà Vy
462	Vân Thị Diễm Phúc
463	Vân Thị Ngọc Thi
464	Vĩ Hoàng Khánh
465	Võ Bảo An
466	Võ Hoàng Vinh
467	Võ Huy Thành
468	Võ Ngọc Hiếu
469	Võ Phạm Thủy Tiên
470	Võ Tả Hải
471	Võ Thanh Hải
472	Võ Thị Kim Khánh
473	Võ Thị Kim Thoa
474	Võ Thị Thu Hương
475	Võ Văn Diễm
476	Võ Chí Cường

477	Vũ Long
478	Vũ Mạnh Ba
479	Vũ Mạnh Tiến
480	Vũ Phúc Sơn Thiển
481	Vũ Thị Hồng Vân
482	Vũ Thị Hương
483	Vũ Thị Thủy
484	Vũ Thị Thủy
485	Vũ Thị Thủy
486	Vũ Tuấn Nha
487	Vũ Văn Điệp
488	Vũ Văn Phương
489	Vũ Văn Quý

**BẢNG TÍNH SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA
THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP**

(kèm theo Danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP tại Nghị quyết HĐQT
số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 11/08/2025)

STT	Họ tên	Hệ số kết quả kinh doanh của công ty (a)	Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)	Hệ số cấp bậc (c)	Hệ số công việc (d)	Hệ số kết quả công việc của cá nhân (e)	Số lượng ESOP được phân phối thêm (cổ phiếu) (g)	Số lượng ESOP tối đa được mua (=11.516.840 x a x b x c x d x e + g) (cổ phiếu)
1	Bùi Hoàng Hà	0,80	0,65	0,0400	0,40	0,6554		62.800
2	Bùi Lưu Tiến Nhật	0,80	0,65	0,0070	0,60	0,6378		16.042
3	Bùi Minh Trí	0,88	0,70	0,0065	0,18	0,5110		4.241
4	Bùi Phan Minh Anh	0,80	0,70	0,0080	0,70	0,9198		33.220
5	Bùi Phúc Vinh	0,85	0,80	0,0080	0,70	0,5696		24.980
6	Bùi Quốc Thương	0,75	0,80	0,0060	0,32	0,7613		10.100
7	Bùi Thị Ánh Nguyệt	0,80	0,70	0,0080	0,76	0,9034		35.424
8	Bùi Thị Hằng Nga	0,70	0,70	0,0300	0,13	0,5376		11.831
9	Bùi Thị Huyền Trang	0,70	0,65	0,0060	0,10	0,5000		1.572
10	Bùi Thị Kim Cúc	0,70	0,70	0,0070	0,50	0,5063		10.000
11	Bùi Thị Lệ Hằng	0,80	0,70	0,0800	0,60	0,5154		159.553
12	Bùi Thị Sao Chi	0,80	0,70	0,0070	0,17	0,5082		3.900
13	Bùi Trần Ánh Thy	0,80	0,70	0,0080	0,12	0,2670		1.653
14	Bùi Văn Công	0,80	0,80	0,0060	0,42	0,7342		13.637
15	Bùi Văn Hương	0,88	0,65	0,0800	0,10	0,2847		15.003
16	Bùi Văn Linh	0,80	0,80	0,0060	0,70	0,6045		18.713
17	Bùi Văn Tú	0,70	0,65	0,0065	0,52	0,7961		14.100
18	Bùi Việt Dũng	0,80	0,80	0,0080	0,64	0,7332		27.669
19	Bùi Vũ Tường Vy	0,80	0,70	0,0080	0,10	0,3447		1.778
20	Cao Hải Đức	0,80	0,80	0,0080	0,30	0,5653		10.000
21	Cao Thị Khánh Linh	0,75	0,80	0,0065	0,10	0,6680		3.000
22	Cao Thị Kim Ngân	0,88	0,70	0,0060	0,10	0,7232		3.078
23	Cao Xuân Cường	0,80	0,80	0,0065	0,70	0,5253		17.617
24	Cao Xuân Đình	0,80	0,80	0,0080	0,55	0,5275		17.107
25	Châu Mạnh Ninh	0,70	0,65	0,0060	0,65	0,7340		15.000
26	Châu Phước Tân	0,70	0,65	0,0060	0,65	0,5921		12.100
27	Châu Việt Hùng	0,70	0,60	0,0200	0,11	0,5451		5.800
28	Chế Quang Trung	0,80	0,80	0,0070	0,51	0,5280		13.893
29	Chu Văn Định	0,70	0,65	0,0060	0,66	0,6450		13.384
30	Chu Văn Quỳnh	0,88	0,60	0,0065	0,12	0,3847		1.824
31	Chu Văn Sang	0,80	0,80	0,0070	0,41	0,6119		12.944
32	Cù Thị Loan	0,80	0,60	0,0070	0,10	0,5170		2.000
33	Cù Thị Trúc Liễu	0,88	0,60	0,0060	0,10	0,5000		1.824
34	Đặng Minh Diệu Bảo	0,80	0,70	0,0600	0,50	0,5321		102.952
35	Đặng Như Anh	0,70	0,70	0,0400	0,10	0,5854		13.214
36	Đặng Thị Hạnh	0,70	0,70	0,0065	0,15	0,5089		2.800

37	Đặng Thị Hoa	0,70	0,65	0,0060	0,50	0,9542	15.000
38	Đặng Thị Kim Nhị	0,70	0,65	0,0080	0,10	0,2500	1.048
39	Đặng Thị Thanh Lam	0,80	0,70	0,0060	0,10	0,5000	1.934
40	Đặng Văn Mạnh	0,70	0,70	0,0070	0,20	0,5570	4.400
41	Đặng Xuân Lập	0,80	0,60	0,0200	0,10	0,5255	5.810
42	Đặng Yến Thanh	0,88	0,60	0,0060	0,14	0,5183	2.647
43	Danh Duy Khanh	0,75	0,70	0,0100	0,50	0,8865	26.800
44	Đào Huy Tùng	0,75	0,80	0,0100	0,60	0,7453	30.900
45	Đào Văn Cường	0,80	0,80	0,0070	0,53	0,6411	17.531
46	Đào Văn Sỹ	0,80	0,80	0,0070	0,10	0,6121	3.158
47	Đào Vinh Hiền	0,80	0,70	0,0400	0,10	0,6114	15.772
48	Đào Vũ Tài	0,80	0,80	0,0065	0,14	0,5070	3.400
49	Đậu Thị Hương Ly	0,80	0,80	0,0060	0,40	0,6997	12.377
50	Đinh Hoài Thương	0,70	0,65	0,0060	0,69	0,8989	19.500
51	Đinh Mạnh Hùng	0,80	0,70	0,0065	0,15	0,5885	3.700
52	Đinh Ngọc Thanh	0,85	0,80	0,0200	0,30	0,5909	27.765
53	Đinh Thảo Anh	0,70	0,65	0,0070	0,60	0,8179	18.000
54	Đinh Thị Hoài	0,70	0,60	0,0065	0,14	0,6966	3.066
55	Đinh Thị Thủy Tiên	0,88	0,60	0,0065	0,10	0,5000	1.976
56	Đinh Trọng Dũng	0,80	0,80	0,0065	0,10	0,2500	1.197
57	Đinh Văn Vượng	0,88	0,65	0,0400	0,40	0,6072	64.000
58	Đỗ Bảo Kim	0,80	0,70	0,0600	0,59	0,5313	121.301
59	Đỗ Công Đoàn	0,88	0,60	0,0060	0,11	0,6728	2.700
60	Đỗ Hoàng Phương	0,80	0,65	0,0080	0,15	0,6630	4.764
61	Đỗ Lê Hạnh Trang	0,70	0,70	0,0065	0,10	0,5000	1.834
62	Đỗ Minh Hậu	0,80	0,65	0,0060	0,16	0,5219	3.000
63	Đỗ Thị An	0,88	0,60	0,0080	0,10	0,5000	2.432
64	Đỗ Thị Đông	0,80	0,65	0,0080	0,14	0,6973	4.677
65	Đỗ Thị Hằng	0,80	0,70	0,0400	0,10	0,5473	14.119
66	Đỗ Thị Hồng	0,75	0,60	0,0065	0,10	0,5000	1.684
67	Đỗ Thị Mai	0,70	0,60	0,0070	0,17	0,6950	4.000
68	Đỗ Thị Thu Nga	0,80	0,60	0,0600	0,22	0,5175	37.762
69	Đỗ Tuấn Nhã	0,70	0,70	0,0100	0,13	0,7225	5.300
70	Đỗ Văn Hải	0,70	0,60	0,0100	0,19	0,7976	7.330
71	Đoàn Duy Chính	0,80	0,65	0,0200	0,10	0,5000	5.988
72	Đoãn Thị Bảo Anh	0,80	0,70	0,0065	0,56	0,7924	18.602
73	Đoàn Thị Huệ	0,80	0,70	0,0080	0,13	0,6859	4.600
74	Đoãn Thị Kim Duyên	0,75	0,80	0,0100	0,10	0,5790	4.000
75	Đoãn Thị Yến Nhi	0,88	0,70	0,0080	0,56	0,6922	22.000
76	Đoàn Văn Thủy	0,70	0,65	0,0060	0,13	0,6851	2.800
77	Dương Đức Tiến	0,80	0,80	0,0070	0,40	0,6687	13.800
78	Dương Minh Trường	0,80	0,80	0,0070	0,10	0,5282	2.725
79	Dương Ngọc Lương	0,80	0,80	0,0070	0,56	0,7714	22.288
80	Dương Nguyễn Hải Yến	0,70	0,65	0,0300	0,53	0,5497	45.800
81	Dương Thị Kim Ngọc	0,80	0,70	0,0080	0,17	0,6759	5.928
82	Dương Thị Mai Hạnh	0,80	0,70	0,0300	0,31	0,7136	42.801
83	Dương Xuân Hưng	0,80	0,60	0,0100	0,72	0,8637	34.377
84	Giáp Ngọc Nga	0,80	0,60	0,0300	0,10	0,5000	8.292

85	Hà Hải Yến	0,70	0,65	0,0400	0,10	0,5582		11.700
86	Hà Minh Phương	0,70	0,65	0,0065	0,60	0,8097		16.547
87	Hà Thúc Thảo Tiên	0,80	0,70	0,0300	0,10	0,5169		10.001
88	Hà Văn Nam	0,88	0,65	0,0080	0,52	0,7979		21.866
89	Hồ Anh Duy	0,88	0,65	0,0100	0,68	0,6864		30.747
90	Hồ Ngọc Hải	0,80	0,80	0,0200	0,10	0,5000		7.370
91	Hồ Như Phương	0,70	0,60	0,0065	0,20	0,6980		4.389
92	Hồ Thanh Bảo Trân	0,70	0,60	0,0060	0,20	0,2607		1.513
93	Hồ Thị Hoàng Oanh	0,80	0,70	0,0100	0,77	0,7048		35.000
94	Hồ Việt Đức	0,75	0,80	0,0070	0,59	0,6262		17.870
95	Hoàng Anh	0,80	0,60	0,0100	0,12	0,7991		5.300
96	Hoàng Đình Linh	0,80	0,80	0,0080	0,71	0,8575		35.900
97	Hoàng Phương Bắc	0,80	0,80	0,0100	0,55	0,7647		31.000
98	Hoàng Thị Mỹ Phương	0,80	0,65	0,0800	0,61	0,6590		192.593
99	Hoàng Thị Nga	0,88	0,60	0,0065	0,15	0,6916		4.100
100	Hoàng Thị Phương Thảo	0,80	0,60	0,0065	0,64	0,9132		21.000
101	Hoàng Thị Thơm	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5000		2.211
102	Hoàng Thị Thu Hương	0,80	0,60	0,0065	0,14	0,6843		3.442
103	Hoàng Tiến Thanh	0,85	0,80	0,0060	0,10	0,6257		2.940
104	Hoàng Trọng Nghĩa	0,70	0,65	0,0060	0,70	0,8315		18.300
105	Hoàng Tuấn Anh	0,70	0,70	0,0070	0,17	0,6898		4.632
106	Hoàng Văn Cường	0,70	0,65	0,0065	0,29	0,6956		6.870
107	Hoàng Văn Tiến	0,80	0,65	0,0400	0,10	0,5000		11.977
108	Hương Thị Chi	0,88	0,70	0,0065	0,11	0,6703		3.400
109	Huỳnh Bảo Đăng Khoa	0,88	0,60	0,0100	0,14	0,5208		4.433
110	Huỳnh Công Quốc	0,80	0,80	0,0400	0,20	0,8141		48.004
111	Huỳnh Minh Vũ	0,80	0,70	0,0200	0,43	0,6671		37.000
112	Huỳnh Ngọc Kiều	0,80	0,70	0,0070	0,14	0,6546		4.137
113	Huỳnh Thị Hoa Hương	0,88	0,60	0,0080	0,32	0,6424		10.000
114	Huỳnh Thị Thanh Tâm	0,80	0,60	0,0100	0,16	0,7462		6.600
115	Huỳnh Trung Tín	0,80	0,60	0,0070	0,19	0,6665		4.900
116	Huỳnh Văn Lạc	0,85	0,80	0,0100	0,41	0,6229		20.000
117	Khổng Minh Chiến	0,80	0,80	0,0200	0,10	0,5000		7.370
118	Khuất Tuấn Anh	0,80	0,80	0,0080	0,59	0,6684		23.253
119	Kiều Minh Khương	0,70	0,60	0,0065	0,10	0,5170		1.625
120	Kiều Thị Phương	0,88	0,65	0,0080	0,62	0,8415		27.495
121	Kiều Văn Thành	0,70	0,70	0,0070	0,22	0,6905		6.000
122	Lã Hoàng Thảo Nhi	0,80	0,60	0,0100	0,72	0,9548		38.003
123	Lại Thị Kim Anh	0,80	0,70	0,0100	0,15	0,5479		5.300
124	Lại Việt Long	0,80	0,70	0,0060	0,10	0,5169		2.000
125	Lâm Dũng Hiếu	0,80	0,80	0,0070	0,42	0,6984		15.134
126	Lâm Hùng Minh	0,88	0,60	0,0400	0,15	0,5000		18.242
127	Lâm Hữu Tài	0,75	0,60	0,0065	0,75	0,9536		24.092
128	Lâm Thanh Bình	0,88	0,65	0,0300	0,20	0,2530		10.000
129	Lê Đồng Khánh	0,85	0,80	0,0060	0,10	0,5398		2.536
130	Lê Gia Nhân	0,80	0,80	0,0400	0,21	0,8297		51.370
131	Lê Hoàng Phúc	0,70	0,65	0,0080	0,60	0,8316		20.917
132	Lê Hồng Phúc	0,80	0,80	0,0080	0,45	0,6932		18.393

133	Lê Hồng Tuấn	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5880		2.600
134	Lê Hùng Vương	0,88	0,65	0,0600	0,10	0,2530		10.000
135	Lê Hữu Dũng	0,80	0,80	0,0065	0,44	0,6334		13.352
136	Lê Lương Tuấn	0,70	0,70	0,0060	0,10	0,6442		2.181
137	Lê Minh Trí	0,88	0,60	0,0080	0,72	0,9090		31.838
138	Lê Ngọc Đức	0,80	0,80	0,0060	0,45	0,6811		13.554
139	Lê Nguyên Dung	0,80	0,70	0,0800	0,90	0,5408		251.125
140	Lê Nguyễn Thanh Văn	0,80	0,65	0,0070	0,13	0,6513		3.549
141	Lê Phan Hữu Vinh	0,88	0,65	0,0400	0,10	0,2500		6.587
142	Lê Phùng Anh Trinh	0,70	0,70	0,0200	0,11	0,6251		7.760
143	Lê Phương Tuyền	0,88	0,65	0,0600	0,10	0,2530		10.000
144	Lê Quang Bảo	0,88	0,80	0,0060	0,43	0,9848		20.600
145	Lê Quang Khải	0,80	0,60	0,0070	0,10	0,6696		2.591
146	Lê Thạc Thắng	0,80	0,80	0,0060	0,12	0,6596		3.500
147	Lê Thành Long	0,70	0,65	0,0060	0,12	0,6627		2.500
148	Lê Thanh Tùng	0,70	0,65	0,0200	0,78	0,6947		56.789
149	Lê Thị Giang	0,80	0,70	0,0065	0,45	0,6721		12.678
150	Lê Thị Hằng	0,70	0,60	0,0070	0,76	0,9398		24.184
151	Lê Thị Hoa	0,75	0,80	0,0060	0,10	0,5449		2.259
152	Lê Thị Hồng Thắm	0,75	0,80	0,0060	0,10	0,5000		2.073
153	Lê Thị Huệ	0,80	0,70	0,0080	0,15	0,6719		5.200
154	Lê Thị Huỳnh Như	0,85	0,80	0,0065	0,47	0,6515		15.587
155	Lê Thị Kiều Duyên	0,88	0,60	0,0070	0,17	0,6910		5.000
156	Lê Thị Lan Anh	0,70	0,65	0,0080	0,70	0,8656		25.400
157	Lê Thị Lệ Hằng	0,88	0,65	0,0080	0,11	0,6914		4.008
158	Lê Thị Lệ Quyên	0,85	0,80	0,0065	0,50	0,6962		17.719
159	Lê Thị Mai	0,80	0,70	0,0600	0,51	0,7289		143.850
160	Lê Thị Mai Hương	0,80	0,80	0,0070	0,17	0,6841		6.000
161	Lê Thị Quỳnh	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,6610		2.923
162	Lê Thị Thu Hà	0,80	0,80	0,0060	0,44	0,6957		13.537
163	Lê Thị Thủy Trinh	0,80	0,65	0,0600	0,65	0,5779		134.975
164	Lê Thị Tường Vy	0,80	0,60	0,0065	0,14	0,6958		3.500
165	Lê Thị Yên Như	0,80	0,60	0,0070	0,18	0,6892		4.800
166	Lê Tiến Thành	0,80	0,80	0,0080	0,49	0,6922		20.000
167	Lê Trung Hiếu	0,70	0,65	0,0080	0,72	0,7916		23.893
168	Lê Trương Yên	0,80	0,80	0,0100	0,15	0,6196		6.850
169	Lê Văn Dời	0,75	0,80	0,0060	0,10	0,5000		2.073
170	Lê Văn Quyền	0,80	0,80	0,0100	0,63	0,6676		31.000
171	Lê Văn Quỳnh	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5534		2.447
172	Lê Văn Thái	0,75	0,65	0,0065	0,10	0,5193		1.895
173	Lê Văn Thanh	0,80	0,80	0,0065	0,55	0,6831		18.000
174	Lê Văn Thành	0,80	0,60	0,0300	0,59	0,6719		65.743
175	Lê Văn Tin	0,85	0,80	0,0080	0,53	0,6726		22.333
176	Lê Văn Việt	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,6558		2.900
177	Lê Vũ Linh	0,88	0,70	0,0070	0,12	0,6713		4.000
178	Lê Xuân Cường	0,80	0,80	0,0600	0,43	0,6844		130.149
179	Lê Xuân Hùng	0,85	0,80	0,0300	0,40	0,5449		51.208
180	Lô Văn Đức	0,80	0,80	0,0060	0,44	0,6373		12.401

181	Lữ Trọng Tín	0,70	0,65	0,0060	0,12	0,6807	2.568
182	Lữ Xuân Trường	0,75	0,80	0,0070	0,71	0,6668	22.900
183	Lương Ánh Sáng	0,80	0,80	0,0065	0,27	0,6695	8.660
184	Lương Đình Căn	0,85	0,80	0,0065	0,44	0,6691	14.986
185	Lương Đức Hạnh	0,70	0,60	0,0300	0,11	0,5012	8.000
186	Lương Duy Thanh	0,80	0,80	0,0080	0,11	0,6938	4.500
187	Lương Thanh Loan	0,80	0,70	0,0100	0,74	0,6837	32.630
188	Lương Văn Bắc	0,88	0,65	0,0080	0,63	0,7903	26.239
189	Lý Phương Đăng	0,80	0,70	0,0080	0,10	0,6924	3.572
190	Mã Hồng Kim	0,80	0,60	0,0800	0,55	0,7379	179.483
191	Mai Thị Yên	0,80	0,65	0,1000	0,62	0,6205	230.393
192	Mai Văn Ngon	0,88	0,60	0,0060	0,11	0,6858	2.752
193	Ngô Anh Tuấn	0,80	0,70	0,0300	0,10	0,5169	10.001
194	Ngô Thị Tuyết	0,75	0,80	0,0065	0,57	0,7031	18.000
195	Ngô Văn Đoàn	0,88	0,65	0,0600	0,49	0,5584	108.148
196	Ngô Văn Hiếu	0,70	0,70	0,0100	0,78	0,7838	34.500
197	Ngô Xuân Quang	0,88	0,60	0,0070	0,11	0,6724	3.148
198	Nguyễn Anh Quốc	0,88	0,60	0,0080	0,15	0,6895	5.031
199	Nguyễn Anh Tuấn	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5427	2.400
200	Nguyễn Bá Tấn	0,80	0,80	0,0065	0,47	0,6520	14.681
201	Nguyễn Bảo Thắng	0,70	0,70	0,0080	0,15	0,6941	4.700
202	Nguyễn Bích Liễu	0,75	0,60	0,0060	0,15	0,6840	3.190
203	Nguyễn Bích Thảo	0,70	0,65	0,0060	0,70	0,7906	17.400
204	Nguyễn Bình Lộc	0,80	0,70	0,0300	0,30	0,7364	42.744
205	Nguyễn Cảnh Trường	0,80	0,80	0,0065	0,10	0,5636	2.700
206	Nguyễn Chiến Thắng	0,70	0,60	0,0065	0,15	0,6574	3.100
207	Nguyễn Công Minh	0,80	0,80	0,0065	0,10	0,2500	1.197
208	Nguyễn Công Tuấn Anh	0,80	0,60	0,0400	0,60	0,5417	71.869
209	Nguyễn Đức Vi Hằng	0,70	0,60	0,0100	0,81	0,8991	35.226
210	Nguyễn Đặng Hữu Thiên	0,70	0,70	0,0065	0,12	0,3863	1.700
211	Nguyễn Đăng Nhạc	0,80	0,80	0,0400	0,20	0,5074	29.919
212	Nguyễn Đăng Phúc	0,85	0,80	0,0100	0,65	0,6967	35.465
213	Nguyễn Đình Hiếu	0,70	0,65	0,0300	0,47	0,7620	56.301
214	Nguyễn Đình Phương	0,80	0,70	0,0600	0,41	0,5436	86.245
215	Nguyễn Doãn Cự	0,70	0,65	0,0300	0,10	0,5000	7.860
216	Nguyễn Đức Bình	0,75	0,80	0,0060	0,11	0,6679	3.046
217	Nguyễn Duy Anh	0,88	0,65	0,0080	0,42	0,6777	15.000
218	Nguyễn Hoài Vương	0,70	0,65	0,0070	0,13	0,6820	3.252
219	Nguyễn Hoàng Anh	0,88	0,60	0,0400	0,10	0,2056	5.000
220	Nguyễn Hoàng Bảo Chi	0,80	0,65	0,0060	0,10	0,5934	2.132
221	Nguyễn Hoàng Linh	0,70	0,70	0,0060	0,10	0,6341	2.147
222	Nguyễn Hoàng Lộc	0,85	0,80	0,0060	0,10	0,5000	2.349
223	Nguyễn Hoàng Phúc	0,75	0,70	0,0060	0,10	0,6558	2.379
224	Nguyễn Hoàng Vũ	0,70	0,70	0,0300	0,49	0,5638	46.770
225	Nguyễn Hồng Tuyết	0,88	0,65	0,0070	0,13	0,6673	4.000
226	Nguyễn Hữu Lực	0,80	0,80	0,0800	0,62	0,5305	193.945
227	Nguyễn Hữu Minh	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,2500	1.105
228	Nguyễn Hữu Mực	0,70	0,65	0,0060	0,53	0,7982	13.300

229	Nguyễn Hữu Thành	0,80	0,80	0,0080	0,51	0,7933	23.856
230	Nguyễn Huy Trúc	0,85	0,80	0,0300	0,31	0,6412	46.700
231	Nguyễn Huỳnh Thái Hoàng	0,80	0,65	0,1000	0,77	0,7174	330.817
232	Nguyễn Lam Phương	0,80	0,65	0,1000	0,61	0,7887	288.123
233	Nguyễn Long Tuấn	0,80	0,80	0,0060	0,38	0,6910	11.612
234	Nguyễn Mai Anh Kiệt	0,80	0,70	0,0800	0,61	0,6501	204.607
235	Nguyễn Mạnh Tùng	0,80	0,80	0,0060	0,34	0,6651	10.000
236	Nguyễn Minh Tâm	0,88	0,65	0,0070	0,10	0,5422	2.500
237	Nguyễn Ngọc An	0,80	0,80	0,0060	0,42	0,6612	12.281
238	Nguyễn Ngọc Anh Đức	0,88	0,60	0,0070	0,12	0,6849	3.498
239	Nguyễn Ngọc Minh Trang	0,85	0,80	0,0065	0,38	0,6721	13.000
240	Nguyễn Như Mạnh	0,70	0,65	0,0080	0,14	0,6560	3.850
241	Nguyễn Phú Bảo	0,80	0,70	0,0300	0,41	0,6205	49.223
242	Nguyễn Quang Huy	0,88	0,70	0,0070	0,10	0,5000	2.483
243	Nguyễn Quang Khôi	0,80	0,65	0,0400	0,10	0,5000	11.977
244	Nguyễn Quốc Thịnh	0,88	0,60	0,0060	0,11	0,6479	2.600
245	Nguyễn Quốc Thịnh	0,75	0,80	0,0600	0,40	0,5184	85.972
246	Nguyễn Quốc Trung	0,80	0,65	0,1100	1,00	0,6136	404.217
247	Nguyễn Tấn Sang	0,88	0,60	0,0065	0,10	0,5060	2.000
248	Nguyễn Tấn Trung	0,80	0,70	0,0060	0,18	0,6844	4.767
249	Nguyễn Thạc Sơn	0,80	0,80	0,0080	0,59	0,7876	27.400
250	Nguyễn Thái Dũng	0,80	0,80	0,0080	0,25	0,6784	10.000
251	Nguyễn Thanh Bình	0,70	0,70	0,0080	0,32	0,6922	10.000
252	Nguyễn Thành Đạt	0,70	0,65	0,0060	0,10	0,5000	1.572
253	Nguyễn Thanh Hạnh	0,88	0,60	0,0065	0,15	0,6923	4.104
254	Nguyễn Thành Nguyên	0,88	0,60	0,0060	0,14	0,6950	3.550
255	Nguyễn Thành Phước	0,80	0,70	0,0070	0,11	0,6418	3.187
256	Nguyễn Thế Việt Tuấn	0,75	0,80	0,0070	0,57	0,7907	21.800
257	Nguyễn Thị Anh Thư	0,88	0,65	0,0065	0,10	0,5311	2.274
258	Nguyễn Thị Bích Phương	0,85	0,80	0,0065	0,10	0,5000	2.545
259	Nguyễn Thị Bình	0,88	0,65	0,0080	0,60	0,9045	28.600
260	Nguyễn Thị Cẩm Uyên	0,88	0,60	0,0070	0,20	0,6813	5.800
261	Nguyễn Thị Dạ Lý	0,80	0,70	0,0200	0,13	0,5081	8.520
262	Nguyễn Thị Diễm Trang	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5653	2.500
263	Nguyễn Thị Dung	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5000	2.211
264	Nguyễn Thị Dương	0,75	0,70	0,0070	0,11	0,6444	3.000
265	Nguyễn Thị Hải	0,70	0,70	0,0400	0,11	0,5155	12.800
266	Nguyễn Thị Hải Duyên	0,80	0,70	0,0800	0,60	0,5774	178.747
267	Nguyễn Thị Hằng	0,80	0,80	0,0070	0,10	0,6396	3.300
268	Nguyễn Thị Hằng	0,88	0,65	0,0100	0,61	0,3218	12.931
269	Nguyễn Thị Hậu	0,85	0,80	0,0200	0,31	0,5149	25.000
270	Nguyễn Thị Hiền	0,88	0,70	0,0080	0,14	0,6922	5.500
271	Nguyễn Thị Hiền	0,70	0,70	0,0070	0,22	0,6766	5.880
272	Nguyễn Thị Hiền Hậu	0,80	0,70	0,0400	0,58	0,6015	90.000
273	Nguyễn Thị Hoa	0,80	0,80	0,0070	0,51	0,6904	18.166
274	Nguyễn Thị Hoa Viên	0,70	0,65	0,0060	0,12	0,6855	2.586
275	Nguyễn Thị Hồng	0,70	0,65	0,0060	0,12	0,6892	2.600
276	Nguyễn Thị Hồng Diễm	0,80	0,65	0,0900	0,98	0,6867	362.720

277	Nguyễn Thị Hồng Loan	0,80	0,70	0,0600	0,56	0,6397	138.623
278	Nguyễn Thị Hồng Phần	0,70	0,70	0,0070	0,17	0,6806	4.570
279	Nguyễn Thị Huệ	0,80	0,60	0,0300	0,64	0,6190	65.700
280	Nguyễn Thị Hương Huệ	0,80	0,70	0,0200	0,55	0,6766	48.000
281	Nguyễn Thị Hương Thảo	0,80	0,70	0,0800	0,54	0,5979	166.584
282	Nguyễn Thị Huyền Diệu	0,70	0,70	0,0070	0,16	0,6809	4.303
283	Nguyễn Thị Lý	0,70	0,65	0,0200	0,43	0,6657	30.000
284	Nguyễn Thị Lý	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,2940	1.300
285	Nguyễn Thị Mai	0,70	0,65	0,0060	0,10	0,3977	1.250
286	Nguyễn Thị Mai	0,80	0,70	0,0080	0,66	0,7048	24.000
287	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	0,70	0,60	0,0070	0,17	0,6950	4.000
288	Nguyễn Thị Nga	0,70	0,65	0,0080	0,10	0,4124	1.728
289	Nguyễn Thị Ngân	0,80	0,80	0,0200	0,40	0,6624	39.059
290	Nguyễn Thị Nghĩa	0,80	0,60	0,0200	0,12	0,5906	7.835
291	Nguyễn Thị Ngọc Ân	0,70	0,60	0,0065	0,14	0,6589	2.900
292	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	0,88	0,65	0,0100	0,72	0,6570	31.162
293	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0,88	0,65	0,0200	0,10	0,5000	6.587
294	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	0,70	0,70	0,0070	0,17	0,6701	4.500
295	Nguyễn Thị Oanh	0,80	0,60	0,0070	0,15	0,6892	4.000
296	Nguyễn Thị Phương Thảo	0,80	0,70	0,0065	0,10	0,3332	1.396
297	Nguyễn Thị Phương Thảo	0,70	0,65	0,0080	0,80	0,8995	30.166
298	Nguyễn Thị Phượng Tiên	0,80	0,70	0,0065	0,10	0,5000	2.096
299	Nguyễn Thị Quý	0,80	0,80	0,0070	0,49	0,6972	17.626
300	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5653	2.500
301	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0,80	0,70	0,0200	0,47	0,6928	42.000
302	Nguyễn Thị Sao	0,80	0,70	0,0065	0,10	0,5000	2.096
303	Nguyễn Thị Thanh Hoa	0,80	0,80	0,0300	0,32	0,6501	46.000
304	Nguyễn Thị Thanh Nhân	0,70	0,70	0,0200	0,10	0,5317	6.001
305	Nguyễn Thị Thanh Nhân	0,80	0,70	0,0200	0,75	0,5721	55.345
306	Nguyễn Thị Thêm	0,70	0,60	0,0065	0,17	0,6923	3.700
307	Nguyễn Thị Thu Hằng	0,70	0,65	0,0200	0,57	0,7429	44.379
308	Nguyễn Thị Thu Hương	0,70	0,60	0,0300	0,17	0,6486	16.000
309	Nguyễn Thị Thu Phương	0,70	0,70	0,0065	0,10	0,5453	2.000
310	Nguyễn Thị Thu Thủy	0,80	0,70	0,0300	0,43	0,5581	46.432
311	Nguyễn Thị Thu Trang	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5000	2.211
312	Nguyễn Thị Thu Vân	0,88	0,60	0,0300	0,48	0,5408	47.355
313	Nguyễn Thị Thương	0,88	0,60	0,0060	0,14	0,6853	3.500
314	Nguyễn Thị Thủy Hằng	0,88	0,65	0,0070	0,10	0,5000	2.305
315	Nguyễn Thị Tổ Uyên	0,70	0,60	0,0070	0,81	0,9079	24.900
316	Nguyễn Thị Trà	0,80	0,80	0,0060	0,43	0,6857	13.039
317	Nguyễn Thị Trang	0,80	0,70	0,0080	0,14	0,6646	4.800
318	Nguyễn Thị Trang	0,75	0,80	0,0070	0,10	0,6203	3.000
319	Nguyễn Thị Tường Vy	0,80	0,70	0,0080	0,27	0,6820	9.500
320	Nguyễn Thị Tuyền	0,88	0,65	0,0070	0,13	0,6583	3.946
321	Nguyễn Thị Viễn	0,80	0,60	0,0080	0,19	0,6903	5.800
322	Nguyễn Thiên Đăng	0,85	0,80	0,0065	0,41	0,6882	14.363
323	Nguyễn Thu Hằng	0,70	0,65	0,0065	0,10	0,6809	2.319
324	Nguyễn Thu Thúy	0,80	0,70	0,0070	0,10	0,6646	3.000

325	Nguyễn Thủy An	0,80	0,65	0,0200	0,10	0,5000	5.988
326	Nguyễn Tiến Dũng	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,6820	3.016
327	Nguyễn Tiến Phong	0,70	0,65	0,0065	0,10	0,5579	1.900
328	Nguyễn Trà Giang	0,70	0,80	0,0080	0,12	0,6623	4.100
329	Nguyễn Trọng Hưng	0,75	0,70	0,0070	0,28	0,6751	8.000
330	Nguyễn Trọng Hữu	0,75	0,80	0,0060	0,11	0,6578	3.000
331	Nguyễn Trọng Thái	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,6379	2.821
332	Nguyễn Trung Thành	0,80	0,60	0,0080	0,72	0,9768	31.103
333	Nguyễn Văn Anh	0,70	0,65	0,0070	0,10	0,6674	2.448
334	Nguyễn Văn Bàng	0,70	0,70	0,0060	0,13	0,6657	2.930
335	Nguyễn Văn Doanh	0,70	0,65	0,0100	0,14	0,7926	5.814
336	Nguyễn Văn Hường	0,70	0,65	0,0200	0,12	0,4343	5.461
337	Nguyễn Văn Lộc	0,90	0,80	0,0400	0,40	0,5653	75.000
338	Nguyễn Văn Long	0,70	0,65	0,0080	0,14	0,6640	3.897
339	Nguyễn Văn Nam	0,75	0,80	0,0200	0,47	0,5299	34.419
340	Nguyễn Văn Phú	0,70	0,65	0,0080	0,15	0,6680	4.200
341	Nguyễn Văn Phúc	0,70	0,70	0,0070	0,15	0,6984	4.138
342	Nguyễn Văn Sơn	0,80	0,80	0,0080	0,43	0,6705	17.000
343	Nguyễn Văn Sỹ	0,80	0,80	0,0080	0,60	0,8946	31.650
344	Nguyễn Văn Thảo	0,88	0,60	0,0060	0,11	0,6927	2.780
345	Nguyễn Văn Tiến	0,80	0,70	0,0300	0,60	0,5513	64.000
346	Nguyễn Văn Toàn	0,70	0,65	0,0060	0,13	0,6494	2.654
347	Nguyễn Văn Triệu	0,80	0,80	0,0065	0,14	0,6791	4.555
348	Nguyễn Văn Trọng	0,80	0,80	0,0060	0,11	0,6367	3.097
349	Nguyễn Văn Tú	0,80	0,80	0,0100	0,69	0,6546	33.291
350	Nguyễn Vinh Quang	0,70	0,65	0,0070	0,60	0,7759	17.076
351	Nguyễn Vũ Anh Tùng	0,80	0,70	0,0100	0,10	0,6668	4.300
352	Nguyễn Vũ Hoàng	0,70	0,70	0,0200	0,12	0,7100	9.616
353	Nguyễn Xuân Dương	0,80	0,80	0,0100	0,10	0,7829	5.770
354	Ninh Thị Mai	0,80	0,60	0,0080	0,16	0,6713	4.750
355	Phạm Bá Mạnh	0,70	0,65	0,0080	0,13	0,6606	3.600
356	Phạm Hoàng Nam	0,70	0,65	0,0060	0,13	0,6851	2.800
357	Phạm Khắc Kiên	0,70	0,65	0,0060	0,10	0,2641	830
358	Phạm Phúc Huy	0,80	0,80	0,0065	0,10	0,5636	2.700
359	Phạm Quốc Huy	0,80	0,80	0,0800	0,79	0,5085	236.876
360	Phạm Quốc Huy	0,88	0,65	0,0600	0,10	0,2530	10.000
361	Phạm Thế Cường	0,80	0,70	0,0300	0,30	0,7925	46.000
362	Phạm Thị Hân	0,70	0,65	0,0080	0,10	0,6918	2.900
363	Phạm Thị Hiền	0,80	0,80	0,0900	0,51	0,5872	198.660
364	Phạm Thị Huệ	0,80	0,80	0,0065	0,48	0,6523	15.000
365	Phạm Thị Kim Hồng	0,80	0,60	0,0300	0,56	0,7057	65.539
366	Phạm Thị Kim Thoa	0,70	0,70	0,0070	0,17	0,6850	4.600
367	Phạm Thị Minh Nguyệt	0,70	0,65	0,0065	0,57	0,7989	15.510
368	Phạm Thị Mỹ Linh	0,80	0,65	0,0200	0,66	0,6831	54.000
369	Phạm Thị Nguyệt	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5000	2.211
370	Phạm Thị Phương	0,80	0,80	0,0080	0,60	0,3068	10.854
371	Phạm Thị Quỳnh Như	0,88	0,60	0,0060	0,10	0,6354	2.318
372	Phạm Thị Trang	0,88	0,70	0,0060	0,10	0,5000	2.128

373	Phạm Thị Vy	0,80	0,80	0,0080	0,56	0,7874	26.000
374	Phạm Văn Long	0,70	0,65	0,0080	0,13	0,6573	3.582
375	Phạm Xuân Thắng	0,70	0,65	0,0065	0,60	0,8981	18.354
376	Phan Duy Nam	0,80	0,60	0,0300	0,11	0,6309	11.509
377	Phan Quỳnh Na	0,80	0,65	0,0100	0,70	0,9753	40.885
378	Phan Thanh Hoàng	0,80	0,70	0,0800	0,48	0,5086	125.958
379	Phan Thị Hòa	0,70	0,60	0,0060	0,12	0,6547	2.280
380	Phan Thị Khả Ái	0,80	0,70	0,0065	0,50	0,6641	13.919
381	Phan Thị Khánh Ly	0,80	0,70	0,0080	0,67	0,7962	27.523
382	Phan Thị Mỹ Hạnh	0,88	0,60	0,0065	0,10	0,5000	1.976
383	Phan Thị Tho	0,88	0,60	0,0070	0,60	0,9220	23.547
384	Phan Thơ Mây	0,85	0,80	0,0070	0,10	0,5473	3.000
385	Phan Tuấn Anh	0,88	0,65	0,0080	0,12	0,6651	4.206
386	Phan Văn Dũng	0,80	0,70	0,0200	0,12	0,5005	7.747
387	Phùng Văn Trường	0,80	0,60	0,0070	0,80	0,9045	28.000
388	Tạ Xuân Kỳ	0,80	0,65	0,0070	0,10	0,6823	2.860
389	Tân Văn Thắng	0,80	0,65	0,0080	0,10	0,6726	3.222
390	Thái Thị Hương	0,80	0,80	0,0080	0,61	0,7470	26.869
391	Thái Thị Mộng Tuyền	0,85	0,80	0,0065	0,10	0,5894	3.000
392	Thị Thị Ngọc Giàu	0,88	0,60	0,0060	0,10	0,5000	1.824
393	Tô Thị Bích Lệ	0,88	0,65	0,0065	0,10	0,5605	2.400
394	Tôn Nữ Minh Trang	0,80	0,70	0,0100	0,16	0,7753	8.000
395	Tôn Nữ Thùy Ly	0,80	0,60	0,0300	0,14	0,5750	13.350
396	Tổng Phương Anh	0,80	0,65	0,0065	0,10	0,5000	1.946
397	Trần Anh Đào	0,80	0,70	0,0065	0,12	0,6515	3.277
398	Trần Anh Minh	0,75	0,80	0,0060	0,38	0,6993	11.017
399	Trần Châu Tùng	0,80	0,80	0,0065	0,36	0,6984	12.045
400	Trần Chí Linh	0,75	0,70	0,0060	0,60	0,8729	19.000
401	Trần Công Tài	0,70	0,65	0,0070	0,15	0,6543	3.600
402	Trần Đức Đạo	0,80	0,80	0,0080	0,64	0,7107	26.820
403	Trần Duy Hiếu	0,70	0,70	0,0060	0,10	0,6430	2.177
404	Trần Huỳnh Như	0,88	0,60	0,0060	0,56	0,6877	14.050
405	Trần Kim Long	0,80	0,65	0,0070	0,12	0,6992	3.517
406	Trần Minh Tròn	0,70	0,65	0,0065	0,70	0,7969	19.000
407	Trần Ngọc Hoàng Thương	0,80	0,60	0,0065	0,12	0,6494	2.800
408	Trần Nguyễn Quỳnh	0,70	0,65	0,0400	0,13	0,5081	13.845
409	Trần Nguyễn Thị Thanh Tâm	0,80	0,70	0,0080	0,14	0,6922	5.000
410	Trần Nguyễn Tuấn Anh	0,80	0,80	0,0300	0,49	0,5270	57.100
411	Trần Thanh Thiên	0,80	0,70	0,0100	0,10	0,2672	1.723
412	Trần Thị Ánh Ngân	0,80	0,70	0,0080	0,74	0,9666	36.905
413	Trần Thị Bảo Ngọc	0,80	0,80	0,0060	0,40	0,6884	12.177
414	Trần Thị Bích Hạnh	0,80	0,70	0,0080	0,65	0,7540	25.286
415	Trần Thị Chiêu Hoài	0,88	0,65	0,0100	0,77	0,6703	34.000
416	Trần Thị Huyền Trân	0,75	0,80	0,0060	0,49	0,6807	13.828
417	Trần Thị Mai	0,70	0,70	0,0100	0,12	0,7384	5.000
418	Trần Thị Mến	0,85	0,80	0,0060	0,32	0,6651	10.000
419	Trần Thị Mỹ Linh	0,80	0,80	0,0080	0,56	0,6582	21.734
420	Trần Thị Mỹ Thanh	0,70	0,70	0,0070	0,15	0,6751	4.000

421	Trần Thị Ngân	0,88	0,70	0,0070	0,17	0,6989	5.900
422	Trần Thị Thanh Thảo	0,70	0,60	0,0070	0,77	0,9374	24.439
423	Trần Thị Thanh Thủy	0,70	0,70	0,0060	0,12	0,6892	2.800
424	Trần Thị Thơm	0,70	0,65	0,0060	0,59	0,6926	12.847
425	Trần Thị Thư	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5626	2.488
426	Trần Thị Thu Hiền	0,70	0,70	0,0070	0,10	0,5063	2.000
427	Trần Thị Trúc Hương	0,80	0,70	0,0400	0,44	0,5198	59.002
428	Trần Thị Xuân Hương	0,80	0,60	0,0080	0,71	0,9389	29.481
429	Trần Thị Xuyên	0,75	0,80	0,0065	0,59	0,6762	17.919
430	Trần Thụy Nhật Tuyền	0,80	0,70	0,0400	0,41	0,7365	77.900
431	Trần Trọng Tài	0,80	0,70	0,0060	0,12	0,6461	3.000
432	Trần Tuấn Cường	0,88	0,65	0,0900	0,12	0,2812	20.006
433	Trần Văn Hiếu	0,70	0,65	0,0060	0,10	0,6680	2.100
434	Trần Văn Hoàng	0,80	0,70	0,0200	0,47	0,6260	37.951
435	Trần Văn Hồng	0,75	0,80	0,0070	0,11	0,6667	3.547
436	Trần Văn Khánh	0,85	0,80	0,0060	0,46	0,6911	14.937
437	Trần Văn Nam	0,70	0,65	0,0080	0,16	0,6774	4.543
438	Trần Văn Thanh	0,70	0,60	0,0060	0,15	0,6662	2.900
439	Trần Văn Toàn	0,75	0,80	0,0065	0,11	0,6672	3.296
440	Trần Văn Tuấn	0,70	0,80	0,0070	0,59	0,6939	18.482
441	Trần Văn Tuyền	0,70	0,65	0,0060	0,11	0,6940	2.400
442	Trần Văn Vũ	0,75	0,80	0,0060	0,37	0,6828	10.474
443	Trần Việt Anh	0,75	0,80	0,0060	0,10	0,5980	2.479
444	Trần Vũ Anh Tiến	0,75	0,80	0,0060	0,21	0,6866	5.978
445	Trần Xuân Dũng	0,70	0,65	0,0100	0,12	0,5019	3.156
446	Trang Chí Trung	0,88	0,60	0,0070	0,18	0,6918	5.300
447	Trịnh Song Hào	0,80	0,70	0,0080	0,16	0,6621	5.465
448	Trịnh Tuấn Anh	0,88	0,65	0,0080	0,53	0,7880	22.010
449	Trịnh Văn Sơn	0,70	0,65	0,0060	0,14	0,6582	2.897
450	Trịnh Xuân Tư	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,6558	2.900
451	Trương Kim Long	0,88	0,65	0,0080	0,12	0,6642	4.200
452	Trương Thị Hồng Vân	0,80	0,70	0,0300	0,37	0,7837	56.104
453	Trương Thị Nhuận	0,80	0,80	0,0065	0,37	0,6858	12.156
454	Trương Thị Thủy Nhi	0,85	0,80	0,0060	0,10	0,5000	2.349
455	Trương Thị Trinh Nguyễn	0,70	0,65	0,0060	0,10	0,5000	1.572
456	Trương Văn Quân	0,80	0,80	0,0080	0,57	0,6470	21.746
457	Trương Văn Tuyền	0,80	0,70	0,0065	0,12	0,6560	3.300
458	Trương Xuân Tuyền	0,80	0,80	0,0065	0,43	0,6248	12.871
459	Từ Bạch Quang Phi	0,75	0,80	0,0065	0,12	0,6748	3.637
460	Uống Hải Đăng	0,70	0,60	0,0060	0,78	0,7474	16.919
461	Vân Nguyễn Hà Vy	0,70	0,65	0,0060	0,10	0,3182	1.000
462	Vân Thị Diễm Phúc	0,80	0,70	0,0100	0,79	0,7948	40.495
463	Vân Thị Ngọc Thi	0,88	0,60	0,0060	0,10	0,5000	1.824
464	Vì Hoàng Khánh	0,80	0,80	0,0065	0,39	0,6702	12.522
465	Võ Bảo An	0,85	0,80	0,0065	0,10	0,5927	3.017
466	Võ Hoàng Vinh	0,88	0,70	0,0065	0,59	0,6616	18.000
467	Võ Huy Thành	0,80	0,80	0,0070	0,50	0,6590	17.000
468	Võ Ngọc Hiếu	0,75	0,70	0,0100	0,67	0,6986	28.300

469	Võ Phạm Thủy Tiên	0,80	0,70	0,0070	0,10	0,6646		3.000
470	Võ Tá Hải	0,80	0,80	0,0080	0,53	0,6963		21.760
471	Võ Thanh Hải	0,80	0,80	0,0065	0,39	0,6948		12.982
472	Võ Thị Kim Khánh	0,80	0,65	0,0065	0,41	0,6876		10.974
473	Võ Thị Kim Thoa	0,80	0,70	0,0600	0,40	0,5257		81.371
474	Võ Thị Thu Hương	0,75	0,70	0,0060	0,10	0,5000		1.813
475	Võ Văn Diện	0,80	0,70	0,0600	0,45	0,5073		88.338
476	Vũ Chí Cường	0,88	0,65	0,0200	0,10	0,5313		7.000
477	Vũ Long	0,80	0,70	0,0070	0,60	0,8122		22.000
478	Vũ Mạnh Ba	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,6262		2.769
479	Vũ Mạnh Tiến	0,80	0,60	0,0080	0,79	0,9105		31.810
480	Vũ Phúc Sơn Thiên	0,88	0,65	0,0080	0,63	0,7530		25.000
481	Vũ Thị Hồng Vân	0,80	0,80	0,0070	0,53	0,6892		18.846
482	Vũ Thị Hương	0,70	0,70	0,0060	0,10	0,5000		1.692
483	Vũ Thị Thủy	0,70	0,60	0,0065	0,11	0,6651		2.300
484	Vũ Thị Thủy	0,80	0,70	0,0060	0,14	0,6996		3.790
485	Vũ Thị Thủy	0,70	0,65	0,0080	0,58	0,6625		16.108
486	Vũ Tuấn Nhạ	0,80	0,80	0,0060	0,10	0,5730		2.534
487	Vũ Văn Diệp	0,80	0,80	0,0060	0,53	0,6869		16.100
488	Vũ Văn Phương	0,70	0,60	0,0060	0,68	0,8808		17.382
489	Vũ Văn Quý	0,70	0,65	0,0060	0,10	0,6731		2.116
Tổng cộng								11.336.558

